TAND KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2026
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lý Thị The
- Ông Lý Ngọc Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị C - sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn G, xã B, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Lò Văn C1 - sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn G, xã B, tỉnh Lai Châu). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn Chung kết H với nhau ngày 07/01/2009, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (*nay là UBND xã B, tỉnh Lai Châu)*.

Sau kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Nay tình cảm không còn nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn C1.

Về con chung: Chị C và anh C1 có 02 con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017. Tại bản tự khai cũng như biên bản lấy lời khai chị C trình bày: Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C1 và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị C có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có thay đổi đề nghị chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C1 và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Bị đơn Trong quá trình làm việc với Tòa án trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị kết hôn với nhau ngày 07/01/2009, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (*nay là UBND xã B, tỉnh Lai Châu)*. Sau kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình nợ nần. Anh anh thấy mình vẫn còn tình cảm với chị C, cuộc sống hôn nhân vẫn có thể hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017. Nếu phải ly hôn, anh C1 đề nghị chị C sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C1 và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C1 không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Cháu Lò Trâm A trình bày:*

Cháu hiện tại đang ở với mẹ tại thôn G, xã B, tỉnh Lai Châu. Trong cuộc sống, bố mẹ cháu đều yêu thương cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố vì cháu muốn đi học ở Điện Biên, ở đó có các cô và bà nội cháu.

- *Cháu Lò Minh P trình bày:*

Cháu hiện tại đang ở với mẹ tại thôn G, xã B, tỉnh Lai Châu. Trong cuộc

sống, bố mẹ cháu đều yêu thương cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu là con gái nên cần có mẹ để chia sẻ và mẹ cũng có thời gian quan tâm, chăm sóc cháu hơn.

- Bản xác minh tại nơi cư trú của anh Lò Văn C1, chị Lò Thị C:

Bà Lý Thúy H1 trưởng thôn 7, xã B cho biết: Chị C và anh C1 về chung sống với nhau từ năm 2009, trong suốt quá trình cư trú trên địa bàn, chính quyền chưa ghi nhận phản ánh hay yêu cầu hòa giải liên quan đến mâu thuẫn gia đình nhà anh, chị. Do hai bên không yêu cầu hòa giải nên địa phương không nắm rõ tình trạng hôn nhân cụ thể của gia đình anh C1, chị C. Thời gian gần đây anh C1 thường đi lằm ăn xa và không thường xuyên có mặt tại địa phương.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên Toà, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lò Thị C và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C được ly hôn với Anh Lò Văn C1.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của Chị Lò Thị C. Giao 02 con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho Chị Lò Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị C không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị Lò Thị C đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn C1. Anh Lò Văn C1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn G, xã B, tỉnh Lai Châu. Vì vậy Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng theo quy định. Ngày 05/3/2026 tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh C1 tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn Chung kết H với nhau ngày 07/01/2009, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là UBND xã B, tỉnh Lai Châu). Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C1 là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống của chị C và anh Chung C1 sống hạnh phúc đến khoảng thời gian năm 2022 - 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Do mâu thuẫn kéo dài, thời điểm hiện tại chị C hiện đã không còn tình cảm với anh C1. Xét thấy hôn nhân giữa chị C và anh C1 đã không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh C1 là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị C và anh C1 có 02 con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017. Hiện tại hai con chung đang ở với chị C. Tại bản tự khai cũng như biên bản lấy lời khai chị C trình bày: Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng

nuôi con chị C tự thỏa thuận với anh C1, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị C trình bày đề nghị nuôi cả hai con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi và tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con. Anh C1 đề nghị chị C sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C1 và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu Lò Trâm A có nguyện vọng được ở với bố, cháu Lò Minh P có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét thấy: Các cháu Lò Trâm A và Lò Minh P hiện tại đều đang ở với mẹ. Chị C là giáo viên, công việc và thu nhập ổn định và có thời gian để ở gần, chăm sóc, giáo dục các con. Anh C1 thường xuyên đi làm ăn xa, không có nguyện vọng nuôi con. Nên yêu cầu của chị C về việc đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục hai cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị C không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản và nợ chung: Chị Lò Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị Lò Thị C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C được ly hôn với anh Lò Văn C1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Trâm A - sinh ngày 17/3/2010 và cháu Lò Minh P - sinh ngày 04/6/2017 cho chị Lò Thị C là người

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu Lò Trâm A và Lò Minh P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn C1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, trừ việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lò Thị C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí toà án số: 0000291 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND Khu vực 4 - Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Bum Tở;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đới Xuân Huy